

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 617/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa:

Chị **Phạm Thị T**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp P 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 13/5A, ấp P 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Căn nhà cấp 3 có số nhà 13/5A tọa lạc trên diện tích đất 333.2m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 52 tại ấp P 1, xã L được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 136702 cho anh Trần Văn N theo hồ sơ số 26227.00717.CN.VP ngày 23/12/2014, chị T và anh N thống nhất xác định giá trị căn nhà cấp 3 là 300.000.000đ. Các đương sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung như sau: anh N nhận hiện vật là căn nhà và anh N đồng ý thanh toán lại ½ giá trị căn nhà là 150.000.000đ cho chị T.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả

tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về chi phí tố tụng thẩm định giá tài sản của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đ là 14.010.000đ: Chị T và anh N thỏa thuận mỗi người tự nguyện chịu 7.005.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng trước số tiền 10.010.000đ, anh N đã nộp tạm ứng trước số tiền 4.000.000đ vì vậy anh N đồng ý trả lại số tiền 3.005.000đ cho chị T.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000đ: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai số 005920 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ trừ vào án phí nên chị T được hoàn lại 150.000đ và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.750.000đ chị T đã nộp theo biên lai số 005919 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Xuân Hòa